

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 - LÀO CAI  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **131/2026/HS-ST**

Ngày: 18 - 9 - 2026

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Trung Lợi.

Bà Hoàng Thị Hồng Phóng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Mạnh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2026/TLST- HS ngày 28 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2026/QĐXXST - HS ngày 07 tháng 9 năm 2026 đối với bị cáo:

**Cứ Thị N** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12/6/1990 tại tỉnh Lào Cai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số định danh cá nhân: 015190002951; con ông: Cứ K (đã chết) và bà Giàng Thị P, sinh năm 1953; Chồng: Thào A S, sinh năm 1990 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/4/2026, tạm giam ngày 20/4/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh L. Có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Cứ Thị N:** Bà Nguyễn Thị Thu H - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Thào A S, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn L, xã L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

*Người làm chứng:*

+ Ông Cứ A C, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn L, xã L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Bà Sùng Thị B, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

\* *Người phiên dịch:* Anh Lý A D, sinh năm 1983; trú tại: Thôn H, xã K, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 13/4/2026, Công an xã L, tỉnh Lào Cai tiến hành làm việc đối với Cú A C, sinh năm 1974; trú tại thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai là đối tượng nghi sử dụng trái phép chất ma túy. Tiến hành thử nước tiểu của C cho kết quả dương tính với ma túy. Tại cơ quan điều tra Cú A C khai nhận: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 12/4/2026, C đi đến nhà Cú Thị N mua 02 gói Heroine của N với giá 50.000 đồng/01 gói, sau đó sử dụng hết bằng hình thức đốt hít lấy khói tại đường dân sinh thuộc thôn L, xã L.

Căn cứ lời khai của Cú A C, Cơ quan Công an tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của Cú Thị N thu giữ 01 gói nilon màu hồng hàn kín một đầu, 01 gói nilon màu trắng hàn kín một đầu, 01 gói nilon màu trắng buộc thắt nút một đầu, bên trong cả ba gói đều chứa chất bột nén màu trắng, tổng số tiền 191.860.000 đồng với nhiều mệnh giá khác nhau.

Kết quả điều tra chứng minh được: Khoảng giữa tháng 3/2026 có hai vợ chồng người dân tộc Dao đến nhà Cú Thị N bán hàng và nói có ma túy bán, N mua của hai người này 01(một) gói Heroine được gói bằng nilon màu trắng với giá 2.000.000 đồng. Sau khi mua được H1, N mang cất giấu tại nhà tắm của gia đình mục đích để bán kiếm lời và đã 02 lần bán Heroine tại nhà của mình thuộc thôn L, xã L, tỉnh Lào Cai, cụ thể: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 05/4/2026 đã bán cho Sùng Thị B 01 gói Heroine được gói bằng nilon màu hồng với giá 50.000 đồng và khoảng 18 giờ 00 phút ngày 12/4/2026 đã bán cho Cú A C 02 gói Heroine được gói bằng nilon màu hồng với giá 50.000 đồng/01 gói, tổng là 100.000 đồng. Số Heroine còn lại, Cú Thị N chia thành 03 gói cất giấu tại nhà với mục đích để bán kiếm lời.

Tại Cơ quan điều tra Sùng Thị B, Cú A khai nhận đã mua ma túy của N như lời khai của N, sau khi mua được ma túy B và C đã sử dụng hết bằng hình thức hít lấy khói.

Tại Kết luận giám định số 422/KL-KTHS ngày 17/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Chất bột nén màu trắng trong gói nilon màu hồng trong phong bì niêm phong, ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,06 gam; Chất bột nén màu trắng trong hai gói nilon màu trắng trong phong bì niêm phong, ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 6,32 gam.

Tại Kết luận giám định số 434/KL-KTHS ngày 22/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Số tiền 191.860.000đ (một trăm chín mươi một triệu tám

trăm sáu mươi nghìn đồng) thu giữ khi khám xét Cú Thị Ninh gửi giám định là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKS-KV4 ngày 28/8/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai đã truy tố bị cáo Cú Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, i khoản 2, khoản 6 Điều 251 với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự thú*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại các điểm r và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố, bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội có từ 03 con nhỏ trở lên đều dưới 15 tuổi” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cú Thị N. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Cú Thị N từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với bị cáo N; về xử lý vật chứng áp dụng các điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Tịch thu tiêu hủy: 6,22 gam ma túy, loại Heroine còn lại sau khi trích mẫu giám định; Các vỏ phong bì; các mảnh nilon gói; 01 hộp bìa cattong; trả lại cho bị cáo Cú Thị N 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu VIVO đã qua sử dụng; truy thu của bị cáo Cú Thị N số tiền 150.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật cho bị cáo. Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Cú Thị N nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên vì hám lợi, nên đã thực hiện hành vi phạm tội; khi nói lời sau cùng bị cáo N xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo Cú Thị N cơ bản nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N và các vấn đề khác trong vụ án. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i khoản 2 Điều 251; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Cú Thị N 07 năm tù đến 08 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N; miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thào A S là chồng bị cáo Cú Thị N trình bày số tiền 191.860.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ khi khám xét có nguồn gốc là anh do anh đi làm xây dựng nhận tiền công của một số anh em và tiền bán tài sản trâu, bò của gia đình. Ngày 26/8/2026 anh đã có đơn xin lại số tiền trên để thanh toán trả tiền công cho anh em và sử dụng. Ngày 04/9/2026 anh S đã nhận lại đầy đủ số tài sản bị thu giữ, bị cáo N nhất trí trả lại tài sản cho người nhận là anh S quản lý, sử dụng và không có ý kiến gì thêm.

Người làm chứng Cú A C, Sùng Thị B vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai, tài liệu của những người này. Bị cáo N công nhận lời khai của người được công bố là đúng và không có ý kiến gì.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng được Tòa án triệu tập đến phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người làm chứng đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Trong giai đoạn điều tra vụ án đã có lời khai của họ thể hiện trong hồ sơ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử và công bố lời khai của họ tại phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Cú Thị N thừa nhận với động cơ, mục đích bán kiếm lời nên cùng tại nơi ở của mình thuộc thôn L, xã L, tỉnh Lào Cai, Cú Thị N đã 02 lần bán Heroine, cụ thể Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 05/4/2026 đã bán cho Sùng Thị B 01 gói Heroine được gói bằng nilon màu hồng với giá 50.000 đồng và khoảng 18 giờ 00 phút ngày 12/4/2026 đã bán cho Cú A C 02 gói Heroine được gói bằng nilon màu hồng với giá 100.000 đồng. Ngoài ra Cú Thị N còn cất giấu 6,38 gam Heroine với mục đích để bán nhưng chưa kịp bán thì bị bắt. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của những người làm chứng Cú A C, Sùng Thị B và vật chứng thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Cú Thị N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy sẽ bị xử lý theo pháp luật nhưng vì lợi nhuận vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, bị cáo Cú Thị N đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với các tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Heroine ... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất mức độ gây nguy hại rất lớn cho xã hội, xâm hại đến những quy định của Đảng và Nhà nước trong việc sản xuất, quản lý và sử dụng chất ma túy. Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy, nhưng vì lợi nhuận đã cố ý thực hiện, do vậy cần phải được xử lý nghiêm minh để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo đầy đủ, rõ ràng về hành vi phạm tội của mình và tự thú khai ra ngày 05/4/2026 đã bán cho Sùng Thị B một gói Heroine với giá 50.000 đồng trước đó mà chưa bị cơ quan nào phát hiện, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo; Người phạm tội tự thú*" quy định tại các điểm r và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo Cù Thị N trước khi phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự thể hiện bị cáo là người có nhân thân tốt.

[5] Từ những nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội đối với bị cáo N, để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, góp phần giáo dục người khác ý thức tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng ngừa tội phạm ma túy. Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Cù Thị N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Cù Thị N là 07 năm tù đến 08 năm tù. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Cù Thị N từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đối với bị cáo Cù Thị N cho phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2026 và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo hay gia đình chính sách có công với cách mạng. Bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi, do vậy Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N theo quy định tại khoản 6 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

[6] Về vấn đề khác:

Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ của vụ án:

- 6,38 gam ma túy, loại Heroine, cơ quan giám định đã lấy 0,16 gam làm mẫu giám định, còn lại sau khi trích mẫu giám định 6,22 gam ma túy, loại Heroine được niêm phong lại là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật;

- Các vỏ phong bì; các mảnh nilon gói; 01 hộp bìa cattong là những vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu VIVO đã qua sử dụng thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo N, bị cáo sử dụng để liên lạc hàng ngày, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 100.000 đồng là tiền bị cáo N bán ma túy cho Cù A C vào ngày 12/4/2026 và 50.000 đồng là tiền bị cáo N bán ma túy cho Sùng Thị B vào ngày 05/4/2026 bị cáo N sau đó đã tiêu sài cá nhân hết, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo số tiền 150.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 191.860.000 đồng thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo, kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, không phải là vật chứng của vụ án. Ngày 26/8/2026 anh Thảo A S đã có đơn đề nghị xin được nhận lại với lý do tiền do bán gia súc, thóc và lao động mà có, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai đã trả lại tài sản trên cho Thảo A S quản lý, sử dụng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo lời khai của bị cáo Cứ Thị N về nguồn gốc số ma túy có để bán là do bị cáo mua của hai vợ chồng người dân tộc Dao mang đến nhà bị cáo bán thuốc nam và đèn pin vào khoảng một tháng trước khi bị phát hiện, bắt giữ. Bị cáo không quen biết, không biết họ tên, năm sinh, địa chỉ và các thông tin liên quan đến nhân thân, lai lịch của hai người này nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ điều tra làm rõ.

Đối với Sùng Thị B và Cứ A C đã mua ma túy của bị cáo Cứ Thị N về sử dụng và đã sử dụng hết, không xác định được khối lượng. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Sùng Thị B, Cứ A C không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a của Bộ luật hình sự, Công an xã L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức cảnh cáo là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Cứ Thị N là người bị kết án thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo N.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Cứ Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cứ Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Căn cứ các điểm b, i khoản 2, khoản 6 Điều 251; các điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Cứ Thị N **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 14 - 4 - 2026.

- Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 6,22 gam ma túy, loại Heroine còn lại sau khi trích mẫu giám định; Các vỏ phong bì; các mảnh nilon gói; 01 hộp bia cattong.

- Trả lại cho bị cáo Cứ Thị N 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu VIVO đã qua sử dụng.

*(Hiện nay các vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại Kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam Văn Chấn, trại tạm giam số 2, Công an tỉnh L).*

- Truy thu của bị cáo Cứ Thị N số tiền 150.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cứ Thị N.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Cứ Thị N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Phòng HSNV, THAHS, CSĐT Công an tỉnh Lào Cai;
- Công an xã Lao Chải;
- Hải Quan tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4 - Lào Cai;
- Trại tạm giam;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lào Cai;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Lao Chải;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Ngọc Linh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**







